

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số /TTr-STTTT ngày / /2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ban hành kèm theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, như sau:

1. Bổ sung, thay thế một số căn cứ ban hành Quyết định

- Bổ sung một số ban hành Quyết định như sau:

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (gọi tắt là Đề án 06);

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố ATTTM Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát;

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thay thế căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, như sau: *Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.*

2. Điều chỉnh nội dung tại khoản 2, Điều 2 như sau:

“2. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị phải tuân thủ theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng và bảo vệ an ninh mạng được quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng.”

3. Bổ sung khái niệm tại khoản 4, Điều 3 như sau:

“4. Chủ quản hệ thống thông tin: Được quy định tại Khoản 5, Điều 3 Luật An toàn thông tin mạng, sau đó được làm rõ chi tiết tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP. Cụ thể: Chủ quản hệ thống thông tin là cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trực tiếp đối với hệ thống thông tin.

Đối với cơ quan, tổ chức nhà nước, chủ quản hệ thống thông tin là các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án xây dựng, thiết lập, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin đó.”

4. Cập nhật nội dung tại khoản 1, Điều 4 như sau:

“1. Các hành vi bị nghiêm cấm về an toàn thông tin, an ninh mạng, giao dịch điện tử quy định tại Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015, Điều 8 Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018, Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018, Điều 6 Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023.”

5. Bổ sung điểm d, khoản 2, Điều 6 như sau:

“d) Các tên miền (bao gồm cả tên miền *.thainguyen.gov.vn) khi không còn sử dụng, các cơ quan, đơn vị có Văn bản gửi đến Sở Thông tin và Truyền thông và Trung Tâm Internet Việt Nam (VNNIC) để đề nghị hủy tên miền; các hệ thống thông tin không sử dụng, chủ quản hệ thống thông tin thực hiện việc thu hồi máy chủ, thu hồi ứng dụng và thực hiện việc lưu trữ dữ liệu ra thiết bị lưu trữ ngoài và yêu cầu cơ quan, đơn vị cung cấp dịch vụ lưu ký xóa hoàn toàn dữ liệu trên các máy chủ.”

6. Bổ sung Khoản 8, Điều 8 như sau:

“8. Khi kết nối từ xa vào máy chủ để quản trị, phải sử dụng phương thức kết nối có mã hóa. Khuyến khích sử dụng mạng diện rộng của tỉnh được thiết lập trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước để truy nhập, khai thác các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.”

7. Bổ sung, thay thế Điều 9; Bổ sung Điều 10, Điều 11, Điều 12 như sau:

“Điều 9. Bảo vệ bí mật nhà nước trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin

1. Quy định về soạn thảo, in ấn, phát hành và sao chụp tài liệu mật;

a) Không được soạn thảo, lưu giữ, chuyển giao, đăng tải, phát tán thông tin, tài liệu có chứa nội dung bí mật nhà nước trên máy tính hoặc thiết bị khác đã kết nối hoặc đang kết nối với mạng Internet, mạng máy tính, mạng viễn thông, trừ trường hợp lưu giữ bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về cơ yếu.

b) Không được in, sao chụp tài liệu bí mật nhà nước trên các thiết bị kết nối mạng internet.

c) Phải bố trí ít nhất 01 máy vi tính độc lập riêng, không kết nối mạng nội bộ và mạng Internet dùng để quản lý, soạn thảo, lưu trữ các tài liệu mật của nhà nước theo quy định.

2. Khi sửa chữa, khắc phục các sự cố của máy tính dùng soạn thảo văn bản mật, các phòng, đơn vị phải báo cáo cho người có thẩm quyền. Không được cho phép các tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm trực tiếp sửa chữa, xử lý, khắc phục sự cố.

3. Trước khi thanh lý các máy tính trong các cơ quan nhà nước phải dùng các biện pháp kỹ thuật xóa bỏ vĩnh viễn dữ liệu trong ổ cứng máy tính.

Điều 10. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

1. Việc đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trong hoạt động của cơ quan, tổ chức phải được thực hiện thường xuyên, liên tục từ khâu thiết kế, xây dựng, vận hành đến khi hủy bỏ; tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Nội dung yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Đánh giá, phân loại cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin

a) Chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

b) Đơn vị vận hành hệ thống thông tin thực hiện xác định cấp độ và lập hồ sơ đề xuất cấp độ bao gồm các tài liệu được quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

3. Hệ thống thông tin khi được đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng, nâng cấp cần được kiểm thử về tính an toàn, bảo mật trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị; các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và các doanh nghiệp khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Quản lý giám sát an toàn hệ thống thông tin

1. Chủ quản hệ thống thông tin phải triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin đáp ứng các yêu cầu tại Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổ chức giám sát an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin được đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh.

3. Đối với các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng, cơ sở dữ liệu không được đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh thì chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm tự thực hiện hoặc yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm các yêu cầu giám sát an toàn hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật.

4. Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá, kiểm tra đối với hệ thống thông tin nội bộ tại cơ quan, đơn vị. Thực hiện các biện pháp bảo trì cần thiết để bảo đảm khả năng xử lý và tính sẵn sàng của hệ thống thông tin.

Điều 12. Quản lý thuê dịch vụ công nghệ thông tin

1. Khi ký kết hợp đồng thuê dịch vụ công nghệ thông tin, cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ phải xác định rõ phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên về bảo đảm an toàn thông tin. Trong hợp đồng phải bao gồm các điều khoản về việc xử lý vi phạm quy định bảo đảm an toàn thông tin và trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm của bên cung cấp dịch vụ gây ra.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong quá trình sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin;

a) Yêu cầu bên cung cấp dịch vụ phải bảo mật thông tin, dữ liệu, mã nguồn, tài liệu thiết kế; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Quy chế này, Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng và các quy định khác có liên quan;

b) Giám sát chặt chẽ và giới hạn quyền truy cập của bên cung cấp dịch vụ khi cho phép truy cập vào hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị khi phát hiện bên cung cấp dịch vụ có dấu hiệu vi phạm quy định bảo đảm an toàn thông tin

a) Tạm dừng hoặc đình chỉ hoạt động của bên cung cấp dịch vụ tùy theo mức độ vi phạm;

b) Thông báo chính thức các hành vi vi phạm của bên cung cấp dịch vụ;

c) Thu hồi ngay lập tức quyền truy cập hệ thống thông tin đã cấp cho bên cung cấp dịch vụ;

d) Kiểm tra, xác định, lập báo cáo mức độ vi phạm và thiệt hại xảy ra; thông báo cho bên cung cấp dịch vụ và tiến hành các thủ tục xử lý vi phạm và bồi thường thiệt hại...

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị khi kết thúc sử dụng dịch vụ

a) Thu hồi quyền truy cập hệ thống thông tin và các tài sản khác liên quan đã cấp cho bên cung cấp dịch vụ; thay đổi các khóa, mật khẩu truy cập hệ thống thông tin;

b) Yêu cầu bên cung cấp dịch vụ chuyển giao đầy đủ các thông tin, dữ liệu, mã nguồn, tài liệu thiết kế và các công cụ cần thiết để bảo đảm cơ quan, đơn vị vẫn có thể khai thác sử dụng dịch vụ được liên tục kể cả trong trường hợp thay đổi bên cung cấp dịch vụ.”

8. Điều chỉnh Điều 11 thành Điều 14 và bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 14 như sau:

“1. Nguyên tắc ứng cứu xử lý sự cố

a) Chủ động, kịp thời, nhanh chóng, chính xác, đồng bộ và hiệu quả;

b) Phối hợp chặt chẽ, tuân thủ quy định của pháp luật về điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin;

c) Ứng cứu xử lý sự cố trước hết phải được thực hiện, xử lý bằng lực lượng tại chỗ và trách nhiệm chính của chủ quản hệ thống thông tin;

d) Việc xử lý sự cố an toàn thông tin phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, đơn vị; cá nhân, bảo mật thông tin cá nhân, thông tin riêng của cơ quan, đơn vị khi tham gia các hoạt động ứng cứu xử lý sự cố.

2. Phân nhóm sự cố an toàn thông tin:

a) Sự cố do bị tấn công mạng: tấn công từ chối dịch vụ; tấn công giả mạo; tấn công sử dụng mã độc; truy cập trái phép, chiếm quyền điều khiển; tấn công thay đổi giao diện; tấn công mã hóa phần mềm, dữ liệu, thiết bị; phá hoại thông tin, dữ liệu, phần mềm; nghe trộm, gián điệp, lấy cắp thông tin, dữ liệu; các hình thức tấn công mạng khác.

b) Sự cố do lỗi của hệ thống, thiết bị, phần mềm, hạ tầng kỹ thuật;

c) Sự cố do lỗi của người quản trị, vận hành hệ thống.

d) Sự cố liên quan đến các thảm họa tự nhiên như bão, lụt, động đất, hỏa hoạn. Phương án tiếp nhận, phát hiện, phân loại và xử lý ban đầu sự cố an toàn thông tin: Hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng huy động các nguồn lực nằm ngoài phạm vi của đơn vị vận hành hệ thống thông tin để đối phó với các sự cố quy định tại khoản 1 điều này.”

9. Điều chỉnh Điều 14 thành Điều 17 và bổ sung một số nội dung tại khoản 1, khoản 2, khoản 8 Điều 17 như sau:

“1. Là cơ quan chuyên trách về an toàn thông tin của UBND tỉnh, có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh về công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

2. Thực hiện thủ tục xác định cấp độ an toàn thông tin mạng và bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, đặc biệt đối với các hệ thống thông tin đã kết nối hoặc có nhu cầu kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Hệ thống thông tin phục vụ triển khai Đề án 06).”

8. “Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý về an toàn thông tin; tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và xử lý các sự cố về an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh...”

10. Điều chỉnh Điều 17 thành Điều 20 và sửa đổi khoản 4, Điều 20 như sau:

“4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện xác định cấp độ an toàn thông tin mạng và bảo đảm an toàn cho hệ thống thông tin của đơn vị quản lý theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng, Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định

85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.”

11. Điều chỉnh thứ tự một số Điều như sau: Điều 10 thành Điều 13, Điều 12 thành Điều 15; Điều 13 thành Điều 16; Điều 15 thành Điều 18, Điều 16 thành Điều 19, Điều 18 thành Điều 21, Điều 19 thành Điều 22, Điều 20 thành Điều 23, Điều 20 thành Điều 24.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các ban, cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh các ban HĐND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Tiến